

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt người đại diện.

Người kháng cáo: người khởi kiện Công ty TNHH P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện Công ty TNHH P1 và người đại diện trình bày:

Ngày 15/8/2024 Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố K ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH P1 về hành vi vi phạm hành chính cụ thể: Vào lúc 23h00' ngày 03 tháng 8 năm 2024, Công ty TNHH P1 đã có hành vi khai thác cát không có Giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép tại khu vực hạ lưu đập Đ, thuộc Tổ E, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum, khối lượng cát khai thác là 03m³.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, mức phạt 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn).

Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản. Tịch thu phương tiện gồm: Motor điện 3 pha, công suất 20 mã lực, nhãn hiệu TECO, sản xuất tại Đài Loan: 01 cái; Đầu bơm dùng để hút cát không có nhãn hiệu và xuất xứ: 01 cái.

Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty TNHH P1, phục hồi môi trường; thực hiện các giải pháp đưa các khu vực đã khai thác vượt ra ngoài phạm vi được phép khai thác về trạng thái an toàn.

Không đồng ý với quyết định hành chính trên, Công ty TNHH P1 khởi kiện, yêu cầu: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-XPHC ngày 15/8/2024 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố K, lý do:

Thứ nhất, nơi thực hiện hành vi đặt máy bơm điện không thuộc vị trí bị xác định là khai thác khoáng sản. Tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 có quy định hình thức phạt tiền đối với hành vi “khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển”. Như vậy, vị trí Công ty đặt máy bơm là tại “khu vực hạ lưu đập Đ, phần đất tiếp giáp với khuôn viên Lô E Khu công nghiệp H, thành phố K). Với vị trí này thì không có căn cứ nào để xác định đó là “lòng sông, suối, hồ, cửa sông” và không thể có cát để khai thác. Bởi lẽ, khoáng sản là cát, sỏi (nếu có) đã bị chặn lại bởi đập Đăk Tía, phần hạ lưu của đập chỉ có

nước tràn qua đập nên việc cho rằng Công ty K1 (cát) là không phù hợp với thực tế khách quan và không đúng quy định pháp luật.

Thứ hai, việc xác định loại khoáng sản và số lượng khoáng sản khai thác không đúng chủng loại, không đúng định lượng. Khối lượng cát khai thác là 3m³ là hoàn toàn không khách quan, không đúng quy định. Vì tại thời điểm kiểm tra thì máy bơm điện không hoạt động và trong đầu bơm, ống hút hoàn toàn không có cát. Tại sân của Công ty vào thời điểm kiểm tra “lúc 23 giờ 00 phút ngày 03/8/2024” trong điều kiện đêm khuya, trời tối, ánh sáng điện không đủ để phân biệt toàn bộ tang vật là cát - đất hay là các tạp chất từ việc sơ chế gỗ cao su; hình ảnh chụp vào ban đêm trên nền bê tông có nhiều thành phần là đất, cát, mùn cưa, ... những người thuộc Đoàn kiểm tra và người chứng kiến đã không sử dụng bất cứ dụng cụ kiểm đếm, đo lường nào mà chỉ bằng mắt thường quan sát nhưng lại xác định được khối lượng cát 3m³ là hoàn toàn không có căn cứ. Biên bản kiểm tra lập vào hồi 23 giờ 00 phút ngày 03/8/2024 thể hiện “Ông Phạm Văn T công nhận hành vi khai thác cát trái phép của Công ty TNHH P1 và phối hợp để lực lượng tiến hành lập Biên bản tạm giữ tang vật và phối hợp giải quyết”. Việc lập Biên bản này và nội dung trong biên bản là hoàn toàn sai sự thật vì: Vào hồi 23 giờ 00 phút ngày 03/8/2024, tại khu vực hạ lưu đập Đắk Tía hoàn toàn không có điện; đoàn kiểm tra chỉ lập duy nhất 01 Biên bản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào hồi 00 giờ 23 phút ngày 04/8/2024 bằng hình thức viết tay và có chữ ký của ông Lê Hòa T1, ông Nguyễn Văn H1. Thế nhưng, trong hồ sơ lại có Biên bản kiểm tra số 01/BB-KT ngày 03/8/2024 hồi 23 giờ 00 phút ngày 03/8/2024 và Biên bản số: 02/BB-TG về việc Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hồi 23 giờ 30 phút ngày 03/8/2024 lại được lập bằng hình thức đánh máy, in trên giấy A4. Đồng thời, Biên bản lại ghi thêm nội dung ông Phạm Văn T công nhận hành vi khai thác cát trái phép của Công ty TNHH P1. Trong khi ông T không phải là người đại diện của Công ty, không được Công ty ủy quyền và hoàn toàn không biết về nội dung Biên bản được đánh máy này.

Thứ ba, hành vi đặt máy bơm điện của Công ty không thuộc trường hợp vi phạm về khai thác khoáng sản vì không phải hút cát mà đang bơm nước. Công ty có đặt 01 máy bơm, ống hút nước tại vị trí sau nhà máy gỗ, gần mương nước (thuộc khu vực hạ lưu đập Đ) nhằm mục đích bơm nước phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Tại thời điểm 23 giờ 00 phút ngày 03/8/2024, Đoàn kiểm tra của UBND phường N đến làm việc có nhiều người mặc trang phục của quân sự, công an và có nhiều lời nói cho rằng việc “Công ty bơm nước cũng là hành vi vi phạm về khai thác khoáng sản”. Do hiểu biết pháp luật hạn chế nên bảo vệ Công ty đã phối hợp để đoàn kiểm tra tháo gỡ máy bơm điện, ống hút và các vật dụng kèm theo đưa về phường. Tại hiện trường, từ vị trí Công ty đặt máy bơm điện đến vị trí điểm cuối của ống nước có khoảng cách khoảng 100 mét và chiều cao từ mép nước đến vị trí xả nước là hơn 10 mét, thì dưới đáy chỉ toàn đất đỏ, không có cát để hút.

Thứ tư, hồ sơ xử lý vi phạm hành chính không đúng trình tự, thủ tục luật định. UBND phường N tiến hành kiểm tra và lập các văn bản để làm căn cứ xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty vào thời gian là ngày nghỉ (*Chủ nhật – 04/8/2024*). Do vậy, các văn bản có trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đã được UBND phường hợp thức hóa để thể hiện diễn biến sự việc sai sự thật nhằm gây bất lợi cho doanh nghiệp. Việc kiểm tra của UBND phường N đối với hành vi vi phạm hành chính quả tang (*nếu có*) thì thành phần tham gia và thủ tục không đúng quy định pháp luật. Việc kiểm tra doanh nghiệp nhưng UBND phường lại không thông báo cho Ban Q1 biết để phối hợp. Đồng thời, lợi dụng việc Công ty không hoạt động, không có đại diện Công ty để tiến hành hoạt động kiểm tra vào đêm khuya, nhằm gây khó khăn cho Công ty việc giải trình về việc đặt máy điện bơm nước. UBND phường N có Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính đều được lập vào chiều ngày 05/8/2024 nhưng không có giấy mời được tổng đạt hợp lệ để Công ty đến làm việc. Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính được lập vào chiều ngày 05/8/2024 thể hiện “Bà Nguyễn Thị Hồng D đại diện tổ chức vi phạm thống nhất hành vi vi phạm nhưng không phối hợp ký vào Biên bản vi phạm hành chính” là hoàn toàn không đúng sự thật. Để chứng minh cho việc bà D có mặt thì cần có người chứng kiến nên UBND phường đã ghi tên 02 người chứng kiến là: ông Nguyễn Duy D1 (*thành viên Tổ BVANTT tổ 5*) và ông Ngô Thành T2 (*Tổ trưởng Tổ BVANTT tổ 1*). Trong khi 02 người này đang làm nhiệm vụ theo yêu cầu của phường. Công ty được biết, pháp luật có quy định Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản và giao cho người vi phạm 01 bản. Thế nhưng, UBND phường N đã không cung cấp Biên bản vi phạm hành chính cho công ty

Theo Biên bản số: 06/BB-XM về việc Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính hồi 08 giờ 00 phút, ngày 09/8/2024 thể hiện ý kiến của bà Đỗ Thị Thùy N như sau: “*Tôi thống nhất các nội dung của Biên bản. Tuy nhiên, tôi không đồng ý đối với ý 1 tại mục 12 của Biên bản*”. Trong khi, ý 1 tại mục 12 của Biên bản có ghi: “*Vào lúc 23h00 ngày 03 tháng 8 năm 2024, Công ty TNHH P1 đã có hành vi khai thác cát không có Giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép tại khu vực hạ lưu đập Đăk Tía thuộc Tổ E, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Khối lượng cát khai thác là 03 m³*”. Với kết quả xác minh nêu trên có cơ sở để xác định Công ty không có hành vi vi phạm hành chính và trình tự thủ tục để xác định lỗi vi phạm của Công ty là không đúng. Tại phần căn cứ của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 730/QĐ-XPHC ngày 15/8/2024 thể hiện Chủ tịch UBND thành phố K căn cứ “*Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 08/8/2024 của UBND phường N*” để xử phạt vi phạm hành chính với Công ty là hoàn toàn trái quy định pháp luật. Chỉ một hành vi đặt máy bơm điện tại khu vực hạ lưu đập Đ thuộc Tổ E, phường N nhưng UBND phường N lại lập 02 Biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty (*vừa có Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập vào hồi 15 giờ 40 phút ngày 05/8/2024,*

vừa có Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 08/8/2024).

Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì quyết định hành chính ban hành đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở tham mưu của Phòng T4 tại Công văn số 812/TNMT-KS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty TNHH P1 kèm theo hồ sơ xử lý vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân phường N, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ- XPHC ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với công ty TNHH P1 về hành vi khai thác cát khi không có Giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền tại khu vực hạ lưu đập Đ thuộc Tổ E, phường N, thành phố K. Quy định tại: Điểm a Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2027 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, áp dụng hình thức xử phạt hành chính Công ty TNHH P1 với mức phạt 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn); tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản đã khai thác; tịch thu phương tiện để thực hiện hành vi vi phạm hành chính và buộc công ty TNHH P1, phục hồi môi trường, thực hiện các giải pháp. Căn cứ vào các quy định trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum giữ nguyên Quyết định số 730/QĐ-UBND, ngày 15/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K về xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH P1. Tuy nhiên, trong quá trình các cơ quan tham mưu đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K ban hành quyết định xử phạt hành chính có sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản ghi nhậm Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 08/8/2024 là không chính xác, nên Ủy ban nhân dân đã đính chính, bổ sung là căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập vào hồi 15 giờ 40 phút ngày 05/8/2024 theo Quyết định đính chính số 373/QĐ ngày 18/3/2025.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N trình bày: Ngày 05/8/2024, Ủy ban nhân dân phường N đã lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH P1 (có trụ sở chính tại Lô E Khu công nghiệp H, thành phố K, tỉnh Kon Tum) về hành vi khai thác cát không có Giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép tại khu vực hạ lưu đập Đăk Tía thuộc Tổ E, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Khối lượng cát khai thác là 03 m³). Hành vi này đã vi phạm tại Điểm a, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23, Điều 2 Nghị định

số 04/2022/NĐ - CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 04/2022/NĐ - CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân phường N chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của Công ty TNHH P1 để Phòng TN&MT thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển hồ sơ thì biên bản vi phạm hành chính do công chức địa chính- xây dựng lập ghi thiếu thời gian xảy ra vi phạm nên Ủy ban nhân dân thành phố K đã chuyển lại hồ sơ để Ủy ban nhân dân phường X bổ sung thời gian xảy ra vi phạm. Sau khi xác minh xong Ủy ban nhân dân phường đã chuyển hồ sơ để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình xảy ra sự việc Ủy ban nhân dân phường N chỉ lập duy nhất một Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập vào hồi 15 giờ 40 phút ngày 05/8/2024, không có việc lập hai bên bản vi phạm hành chính như người khởi kiện trình bày. Các giấy giờ, văn bản của Ủy ban nhân dân phường đã tổng đạt hợp lệ cho công ty, khi lập biên bản làm việc và biên bản vi phạm hành chính đều có mặt đại diện công ty là bà D, nhưng cố tình không ký vào biên bản. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P1 vì việc kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính là đúng theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng Ông Nguyễn Duy D1 và anh Nguyễn Cao C có cùng nội dung trình bày: Vào khoảng 23h00' ngày 03/8/2024, tại khu vực địa bàn Đập Đ thuộc Tổ E Phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Đối với ông D1 là tổ viên tổ an ninh trật tự cơ sở của Tổ 5 và ông C là công an phường N, thành phố K, nên được UBND phường N, thành phố K mời tới chứng kiến vụ việc kiểm tra hành chính tại khu vực nói trên thì phát hiện tại hiện trường có 01 máy mô tơ điện 3 pha, công suất 20 mã lực đặt dưới dòng suối, máy mô tơ có gắn một ống hút dẫn từ máy mô tơ đến khuôn viên công ty TNHH P1 tại cuối cùng ống hút có gắn 01 thanh kim loại tại khuôn viên Công ty có khoảng 03 m³ cát được nằm trải dài trong mặt sân của Công ty TNHH P1. Sau khi phát hiện sự việc, lãnh đạo ủy ban nhân dân phường đề nghị Công ty cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc khai thác cát, nguồn gốc khối cát. Tại hiện trường thì bên Công ty không cung cấp được. Tại thời điểm kiểm tra thì lúc đó có ông Phạm Văn T là người đại diện Công ty có thừa nhận có hút cát để làm mặt bằng sân của công ty để làm đường ray phục vụ cho sản xuất gỗ của công ty. Sau đó cơ quan chức năng lập biên bản và yêu cầu Công ty TNHH P1 vào lúc 14h ngày 5/8/2024 về ủy ban nhân dân phường N để giải quyết vụ việc. Đến ngày 05/8/2024 tại ủy ban nhân dân phường tổ chức buổi làm việc với Công ty TNHH P1, đại diện công ty có thừa nhận hành vi khai thác cát. Nhưng sau khi cơ quan lập biên bản xong thì vợ, chồng ông T và bà D không ký biên bản và nói ngày mai quay lại ký, lý do có công việc đột xuất phải đi Gia Lai gấp. Sau

đó vợ chồng ông T và bà D ra về. Cơ quan tiến hành hoàn tất hồ sơ theo quy định. Ông xin trình bày nội dung sự kiện trên là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Những người làm chứng ông [Trịnh Văn K](#), ông [Võ Tá C1](#) và bà [Đỗ Thị Thùy N](#) có cùng ý kiến với Ủy ban nhân dân phường N.

Người làm chứng ông [Phạm Văn T](#) đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 18/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi) quyết định: căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Khoản 2 Điều 32; Điều 116; điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 6; Điều 38, Điều 54; Điều 58; Điều 59; Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và phụ lục kèm theo ; Điều 5; Khoản 1 Điều 48; Điều 64 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ - CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ ; Nghị định số 114/2018/NĐ - CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Tuyên xử: bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện [công ty TNHH P1](#) về khiếu kiện hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-UBND, ngày 15/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/3/2025, người khởi kiện [công ty TNHH P1](#) kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 25/3/2025, người khởi kiện [công ty TNHH P1](#) kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông [Phạm Ngọc Q](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện **công ty TNHH P1**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của **công ty TNHH P1** (sau đây gọi tắt là Công ty), Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

- Đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: **công ty TNHH P1** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-XPHC ngày 15/8/2024 của Chủ tịch **ủy ban nhân dân thành phố K**. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về khoáng sản mà người khởi kiện cho rằng đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của mình nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính; Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

- Thời hiệu khởi kiện: ngày 15/8/2024, Chủ tịch **ủy ban nhân dân thành phố K** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-UBND. Ngày 16/10/2021, **công ty TNHH P1** có đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung: xét tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-XPHC ngày 15/8/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố K**:

[2.2.1]. Về thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu và hình thức ban hành: qua công tác kiểm tra, ngày 03/8/2024, cơ quan chức năng phát hiện hành vi khai thác cát trái phép của **công ty TNHH P1** tại khu vực hạ lưu đập **Đ thuộc tổ E, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum**. Sau khi xem xét vụ việc, Chủ tịch **ủy ban nhân dân thành phố K** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-UBND ngày 15/8/2024. Như vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vừa nêu được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 38, 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 5, Điều 64 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; đúng thời hạn, thời hiệu quy định tại Điều 6, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; đúng hình thức văn bản theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Phụ lục kèm theo.

[2.2.2]. Về trình tự, thủ tục, nội dung của quyết định hành chính bị khởi kiện:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, **Ủy ban nhân dân phường N** phối hợp với các cơ quan hữu quan tiến hành kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản trên địa phận thuộc địa giới hành chính của đơn vị. Vào hồi 23 giờ

00 phút ngày 03/8/2024, đoàn kiểm tra đã phát hiện hành vi khai thác cát trái phép của công ty TNHH P1 nên lập biên bản kiểm tra. Tại Biên bản kiểm tra số 01/BB-KT ngày 03/8/2024 (BL 82) thành phần gồm: đại diện UBND phường N gồm ông Phan Thành T3 - Chủ tịch phường, ông Nguyễn Thái P - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự phường; đại diện Công an phường N có ông Nguyễn Cao C - Cảnh sát khu vực Công an phường; Tổ bảo vệ ANTT phường N gồm ông Ngô Thành T2 - Tổ trưởng Tổ bảo vệ ANTT tổ 1, ông Nguyễn Duy D1 - thành viên Tổ bảo vệ ANTT tổ 5 với đại diện công ty TNHH P1 thể hiện: tại hiện trường vụ việc có 01 Motor điện 3 pha, công suất 20 mã lực đặt dưới dòng suối dùng để bơm cát; ống hút cát nối dài từ máy dưới suối lên khuôn viên công ty TNHH P1 và có khối lượng 03m³ cát. Cơ quan chức năng đã yêu cầu đại diện Công ty cung cấp giấy tờ liên quan đến việc khai thác cát, nguồn gốc khối lượng cát tại hiện trường nhưng Công ty không cung cấp được. Vì vậy, cơ quan chức năng tiếp tục lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 02/BB-TG vào hồi 23 giờ 30 phút cùng ngày 03/8/2024 (BL 80) và Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính số 03/BB-NPTG hồi 02 giờ 00 phút ngày 04/8/2023. Tiếp đó, cơ quan chức năng lần lượt lập Biên bản làm việc số 04/BB-LV hồi 14 giờ 00 phút ngày 05/8/2024 (BL 73), Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực Tài nguyên nước và Khoáng sản số 05/BB-VPHC hồi 15 giờ 40 phút ngày 05/8/2024 (BL 71), Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính ngày 09/8/2024 (BL 60) rồi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 57, 58, 59 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Qua bản ảnh chụp (BL 40 đến 43) và hình ảnh video (BL 167) do UBND phường N và UBND thành phố K cung cấp thấy được vị trí đặt đầu máy bơm ở bờ kè sát lòng sông, lòng suối, ống dẫn nối dài từ máy bơm lên khuôn viên sân bãi của Công ty và có nhiều dải cát ở đây. Đồng thời, hình ảnh cũng cho thấy, khi lực lượng chức năng tạm giữ tang vật (máy bơm) thì phía người của Công ty không có bất kỳ phản ứng nào. Do đó, có cơ sở khẳng định, khi phát hiện sai phạm, phía Công ty đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình, có tinh thần phối hợp để xử lý trách nhiệm nên mặc dù các biên bản được lập từ khi phát hiện vi phạm, đại diện Công ty không ký nhưng Biên bản có đầy đủ các thành phần gồm: đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm, người chứng kiến theo quy định pháp luật; khối lượng cát vi phạm 03m³ cũng được đoàn kiểm tra xác định và người vi phạm thừa nhận.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 730/QĐ-XPHC ngày 15/8/2024 của UBND thành phố K căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân phường N là không đúng. Tuy nhiên, sai sót này đã được UBND thành phố K đính

chính tại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 (BL 200); theo đó, nội dung đính chính là “Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập hồi 15 giờ 40 phút ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân phường N”. Nội dung, quy trình, thủ tục đính chính này là phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được, phù hợp với tình tiết sự việc khách quan và đúng với quy định tại Điều 14 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ. Mặt khác, các thủ tục tổng đạt các văn bản có liên quan trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi của người bị xử phạt.

[3]. Từ các nhận định tại mục [2] của Bản án, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để bác yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH P1 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của Công ty; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: kháng cáo của công ty TNHH P1 không được chấp nhận nên Công ty phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện công ty TNHH P1; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi).

2. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Công ty TNHH P1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000168 ngày 04/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (do bà Nguyễn Thị Hồng D nộp). Công ty TNHH P1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên